

TỜ TRÌNH

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008, Luật Viên chức ngày 15/11/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019, và các văn bản Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội năm 2021; Công văn số 4829/BNV-TCBC ngày 15/9/2020 của Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội năm 2021;

UBND Thành phố báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2020 và Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 28/NQ-HĐND NGÀY 04/12/2019 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

1. Về tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp

Ngày 06/12/2019, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 6999/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020, trong đó giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị theo đúng số biên chế HĐND Thành phố giao. Việc giao chỉ tiêu biên chế được thực hiện khoa học, kịp thời để các cơ quan, đơn vị chủ động ngay từ đầu năm. Số thực hiện trong năm luôn thấp hơn số HĐND Thành phố giao.

2. Về công tác tuyên truyền thực hiện các Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Chính phủ

UBND Thành phố đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền các nội dung thực hiện theo Nghị quyết của Trung ương ngay tại Hội nghị giao chỉ tiêu Kế hoạch

kinh tế - xã hội tháng 12/2019. Đồng thời, trong năm tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai công tác tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công giao tiếp điện tử của UBND Thành phố, Sở Nội vụ và trang web của các cơ quan, đơn vị. Hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí tuyên truyền, quán triệt nội dung, mục đích, ý nghĩa triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW, 18-NQ/TW, 19-NQ/TW; thường xuyên cập nhật tình hình, kết quả triển khai thực hiện. Các cơ quan, đơn vị tích cực, chủ động làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền, vận động, thuyết phục đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị.

3. Về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ, sang công ty cổ phần

3.1. Về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ

Thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 19/02/2019 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) công lập thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2021, số đơn vị phấn đấu nâng mức tự chủ tài chính giai đoạn 2018-2021 là 199 đơn vị, bao gồm 03 đơn vị đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên, 196 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (năm 2018: 22 đơn vị, năm 2019: 24 đơn vị, năm 2020: 24 đơn vị, năm 2021: 129 đơn vị). Lũy kế đến hết năm 2020, có 56 đơn vị nâng mức tự chủ, đạt 80% so với kế hoạch (70 đơn vị). Trong đó: 11/22 đơn vị đảm bảo lộ trình tự chủ chi thường xuyên (không bao gồm 05 đơn vị theo lộ trình nâng mức năm 2019 nhưng tự chủ năm 2020); 24 đơn vị không đảm bảo lộ trình nâng mức tự chủ (trong đó: 02/02 đơn vị tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên, 11/22 đơn vị tự chủ chi thường xuyên).

- Lộ trình thực hiện năm 2021: Theo kế hoạch, có 129 đơn vị nâng mức tự chủ, trong đó: tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên: 0 đơn vị, tự chủ chi thường xuyên 129 đơn vị. Dự kiến có 19/129 đơn vị đảm bảo theo lộ trình tự chủ chi thường xuyên; 110/129 đơn vị không đảm bảo theo lộ trình tự chủ chi thường xuyên (chủ yếu là các trung tâm y tế, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên quận, huyện, các trung tâm văn hóa - thông tin và thể thao,...).

Như vậy, tính đến hết năm 2021, có 75 đơn vị nâng mức tự chủ, đạt 37,7% so với kế hoạch (199 đơn vị). Tổng số ĐVSN tự đảm bảo chi thường xuyên là 175 đơn vị, chiếm 6,8% tổng ĐVSN công lập toàn Thành phố (năm 2017 là 2.575 đơn vị).

- Nguyên nhân chậm lộ trình nâng mức tự chủ:

+ Một số sở ban ngành, UBND quận huyện thị xã và ĐVSN chưa tập trung tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp đã nêu tại Kế hoạch số 44/KH-UBND, đặc biệt là các giải pháp tăng nguồn thu, giảm chi thường xuyên để nâng mức tự chủ tài chính như: xây dựng đề án cho thuê, liên danh, liên kết tài sản công, xây

dụng định mức kinh tế - kỹ thuật (đối với những lĩnh vực đã có Thông tư hướng dẫn), đơn giá dịch vụ sự nghiệp công trình cấp có thẩm quyền phê duyệt...

+ Những tháng đầu năm 2020, trên địa bàn Thành phố, cả nước và thế giới diễn ra dịch bệnh Covid 19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động sự nghiệp của các ĐVSN công lập, nhiều ĐVSN công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên đã bị giảm nguồn thu lớn, tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên giảm so với phương án tự chủ tài chính đã được phê duyệt, đồng thời một số đơn vị đề nghị xin lùi thời gian nâng mức tự chủ tài chính so với Kế hoạch số 44/KH-UBND.

3.2. Về chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sang công ty cổ phần

Sau khi có ý kiến thống nhất của Thủ tướng Chính phủ về danh mục đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2017-2020, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa và triển khai công tác cổ phần hóa đối với 05 ĐVSN gồm: Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội (Sở Giao thông vận tải); Trung tâm Đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông Hà Nội (Sở Thông tin và Truyền thông); Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường); Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội); Nhà khách UBND Thành phố (Văn phòng UBND Thành phố).

Hiện nay, các đơn vị đang tập hợp hồ sơ, xử lý tài chính và rà soát xây dựng phương án sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên, do đang có một số vướng mắc, xung đột giữa các văn bản của Trung ương, UBND Thành phố đã có Văn bản số 1179/UBND-KT ngày 09/4/2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham gia ý kiến về dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 về tiêu chí danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và Văn bản số 1226/UBND-KT ngày 13/4/2020 gửi Bộ Tài chính về việc rà soát, xử lý vướng mắc khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

4. Về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế

4.1. Về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy

a. Kết quả chung

Năm 2020, UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo sắp xếp các cơ quan hành chính, sự nghiệp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Kết quả đến nay: Sáp nhập Ban QLDA Quy hoạch kiến trúc trực thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc vào Ban QLDA ĐTXD Công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố; Giải thể Tạp chí Giáo dục Thủ đô trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giải thể Chi nhánh số 8 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố; Chấm dứt hoạt động của Quỹ Bảo trì đường bộ và giải thể Hội đồng quản lý Quỹ Bảo trì đường bộ; Giải thể Cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone thuộc Bệnh viện 09 trực thuộc Sở Y tế; Sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố không

đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; Sáp nhập Trung tâm Dịch vụ xổ số, tư vấn và du lịch vào Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao quận Cầu Giấy; Kiện toàn lại Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kiện toàn chức năng quản lý nhà nước về giám sát hệ thống cấp nước tại Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Kiện toàn Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão thành Chi cục Phòng chống thiên tai; Sáp nhập Ban Dịch vụ thủy lợi và Ban Quản lý công trình phân lũ sông Đáy; Sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu khoa học và đào tạo trực thuộc Sở Giao thông vận tải vào Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị trực thuộc Sở Giao thông vận tải; Điều chỉnh Quyết định mẫu quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn cấp huyện; báo cáo Chính phủ đồng ý mô hình thí điểm Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị cấp huyện thêm 03 năm (đến năm 2023).

b. Sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; các cơ sở bảo trợ xã hội

UBND Thành phố đã xây dựng phương án sắp xếp và báo cáo Ban Chỉ đạo Quản lý tổ chức bộ máy và biên chế thông qua phương án sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp (từ 21 trường còn 10 trường, giảm 11), các cơ sở bảo trợ xã hội (từ 12 cơ sở còn 05 cơ sở, giảm 07), ngày 27/5/2020, UBND Thành phố đã có các Văn bản số 1983/UBND-NC và Văn bản số 1991/UBND-NC báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho ý kiến về phương án sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp công lập; sắp xếp các cơ sở bảo trợ xã hội theo nội dung kết luận của Ban Chỉ đạo.

Đến nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có các Văn bản số 3193/LĐTBXH-TCGDNN ngày 28/8/2020 về việc phương án sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và số 3434/LĐTBXH-BTXH ngày 07/9/2020 về việc ý kiến hướng dẫn thực hiện phương án sắp xếp các cơ sở trợ giúp xã hội; trong đó góp ý các nội dung về căn cứ pháp lý, chủ trương, nguyên tắc, thẩm quyền thực hiện và phương án, lộ trình sắp xếp. UBND Thành phố đang giao Sở Nội vụ và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu góp ý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để triển khai thực hiện, dự kiến hoàn thành phương án sắp xếp trong Quý IV/2020.

c. Xây dựng mô hình Trung tâm Điều hành thông minh Thành phố

UBND Thành phố đã chỉ đạo Văn phòng UBND Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án mô hình Trung tâm Điều hành thông minh Thành phố và chỉ đạo xây dựng vị trí đặt tại tầng 4,5 Khu hành chính tập trung Võ Chí Công. Quá trình thực hiện, Thành ủy có giao nghiên cứu mô hình Trung tâm Báo chí tập trung, UBND Thành phố đang nghiên cứu, kết hợp cùng với mô hình Trung tâm Điều hành thông minh Thành phố.

d. Về sắp xếp các cơ quan chuyên môn theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về tổ chức

bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện (sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và 37/2014/NĐ-CP)

UBND Thành phố đã ban hành Công văn số 4809/UBND-SNV ngày 05/10/2020 gửi các cơ quan, đơn vị tạm thời dừng bổ nhiệm cấp phó phòng; trường hợp cần thiết, cấp bách phải có phương án tổng thể sắp xếp theo tinh thần các Nghị định của Chính phủ; đang xem xét ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện sau khi có Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện của các Bộ quản lý chuyên ngành.

4.2. Về tình hình biên chế

Trong năm 2020, Thành phố đã giải quyết tình biên chế 369 người theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, lũy kế thực hiện từ năm 2015 đến nay là 26 đợt, tinh giản 1.370 người (167 công chức, 950 viên chức, 239 công chức cấp xã, 01 cán bộ quản lý doanh nghiệp, 04 người làm việc ở các hội được giao biên chế, 09 lao động hợp đồng 68).

5. Về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 khoá XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 11/3/2019 về triển khai thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị bám sát các nhiệm vụ được giao. Đối với việc xây dựng cơ chế, định mức khoán chi thường xuyên, thực hiện thí điểm chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản: Nội dung này đã được UBND Thành phố xây dựng, trình và được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội.

6. Về công tác cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính năm 2020 đạt kết quả tốt. Các chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, Cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 tiếp tục giữ vững vị trí cao: Đứng thứ 02/63 tỉnh, thành phố về Chỉ số PAR Index (tiếp tục ổn định và duy trì thứ hạng cao của năm 2017, tăng 01 bậc so với năm 2016); Dẫn đầu cả nước về Chỉ số Phát triển công nghiệp CNTT; Top 10 Chỉ số PCI (đứng thứ 09/63 tỉnh, Thành phố). Cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông tiếp tục được đẩy mạnh, thành phố Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong cung ứng dịch vụ công tại các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, hợp tác xã được giao cung ứng dịch vụ công ích; là địa phương đi đầu và tiên phong trong việc vận hành hệ thống một cửa trực tuyến dùng chung 3 cấp từ Thành phố đến xã, phường, thị trấn.

Ngày 24/4/2020, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 85/KH-UBND về công nghệ thông tin thành phố Hà Nội năm 2020; theo đó, Thành phố tập trung triển khai 04/06 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cốt lõi về dân cư, quản lý doanh nghiệp, quản lý bảo hiểm và tài chính; tiếp tục triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành ở các lĩnh vực: đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư qua mạng; giáo dục và đào tạo; giao thông vận tải; xây dựng; y tế; tài nguyên và môi trường; nông nghiệp;... Đặc biệt, Thành phố đã đẩy mạnh phát triển các ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp, trong đó có việc triển khai Cổng dịch vụ công Thành phố cung cấp các dịch vụ trực tuyến công mức độ 3, 4 trên một nền tảng thống nhất đồng bộ, hệ thống một cửa điện tử dùng chung 3 cấp của Thành phố đã triển khai đến 22 sở, ban, ngành, 30 quận, huyện, thị xã và 579 xã, phường, thị trấn... UBND Thành phố cũng yêu cầu các sở ban ngành, UBND quận huyện thị xã thực hiện triển khai kết nối, tích hợp dịch vụ công trực tuyến Thành phố trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, tiếp nhận các dịch vụ công trực tuyến của Thành phố đã được tích hợp, kết nối trên Cổng dịch vụ công Quốc gia đúng thời gian theo quy định, tránh để tình trạng chậm trễ trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

Thành phố cũng đã xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu, rút ngắn thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử. Trên 80% các cuộc họp của UBND Thành phố diện rộng đến sở ban ngành, UBND cấp huyện và cấp xã, giữa các sở ban ngành, quận huyện thị xã diện rộng đến cấp xã được thực hiện trực tuyến. Đặc biệt, trong đợt phòng, chống dịch Covid-19 vừa qua đã khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống họp trực tuyến để triển khai các cuộc họp giao ban của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 Thành phố đến cấp xã. Cơ sở hạ tầng CNTT phát triển đến cấp huyện và cấp xã, phục vụ yêu cầu giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho công dân, doanh nghiệp. UBND Thành phố tiếp tục triển khai duy trì Trung tâm Dữ liệu nhà nước đồng thời thuê dịch vụ Trung tâm Dữ liệu hiện đại triển khai hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; phần mềm một cửa điện tử dùng chung 3 cấp và các hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung (lĩnh vực giáo dục, y tế) của Thành phố; hoàn thành kết nối mạng WAN đến 100% các xã phường thị trấn; phát triển cơ sở hạ tầng CNTT đến cấp huyện và cấp xã phục vụ yêu cầu giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho công dân và doanh nghiệp. Đến nay, cơ bản 100% các xã phường thị trấn được trang bị các thiết bị triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

7. Về đề án vị trí việc làm và tuyển dụng gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ

7.1. Về đề án vị trí việc làm

Thành phố đã hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong toàn bộ cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan đơn vị rà soát cơ cấu công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm, thực hiện nghiêm việc sắp xếp theo đúng khung năng lực, bản mô tả vị trí

việc làm đã được Thành phố phê duyệt (bằng cấp chuyên môn, kinh nghiệm công tác, khả năng đáp ứng công việc...). Kết quả, đã từng bước phát huy được trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và sở trường công tác của từng cán bộ; các cán bộ có thể thực hiện các công việc có tính tương tác, hỗ trợ lẫn nhau trong chuyên môn nghiệp vụ, sẵn sàng làm ở các vị trí khác nhau để thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ hoặc thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định. Năm 2020, toàn bộ công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đánh giá, quy hoạch,... đều thực hiện đúng theo Đề án vị trí việc làm đã được Thành phố phê duyệt.

7.2. Về công tác tuyển dụng

a. Về việc tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng BHXH từ năm 2015 trở về trước

Thực hiện Công văn số 5378/BNV-CCVC của Bộ Nội vụ về việc tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng BHXH từ năm 2015 trở về trước, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp cùng UBND quận huyện thị xã rà soát số giáo viên hợp đồng trên địa bàn, thông kê, thiết lập, công khai danh sách giáo viên thuộc đối tượng được xem xét tuyển dụng đặc cách. Sau khi rà soát, số giáo viên hợp đồng theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 2.034 người.

Để việc tuyển dụng viên chức được công khai, minh bạch, hợp tình, hợp lý, đảm bảo các quy định của pháp luật, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 bổ sung 224 biên chế giáo viên, theo cơ cấu môn học, định mức người làm việc quy định; đảm bảo tuyển dụng dứt điểm số giáo viên hợp đồng đã thống kê tại 06 bộ môn của khối tiểu học, 15 bộ môn của khối THCS. Thành phố cũng đã có Văn bản số 1134/UBND-SNV ngày 06/4/2020 báo cáo xin ý kiến và được Bộ Nội vụ thống nhất tại Công văn số 1923/BNV-CCVC ngày 16/4/2020 về đối tượng và phương án xét tuyển. Ngày 09/6/2020, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 2362/QĐ-UBND phê duyệt chỉ tiêu và ban hành kế hoạch tổ chức xét tuyển vào viên chức các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND quận huyện thị xã năm 2020 đối với các trường hợp LĐHĐ làm công việc giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc Thành phố từ năm 2015 trở về trước. Đến nay, Thành phố đã hoàn thành việc tuyển dụng viên chức giáo dục đối với 1.898 trường hợp.

b. Về việc tuyển dụng công chức, viên chức ngoài lĩnh vực giáo dục

Công tác tuyển dụng được tổ chức đảm bảo đúng quy định. Năm 2020, Thành phố đã tổ chức sát hạch vào công chức 157 trường hợp có kinh nghiệm công tác từ đủ 05 năm trở lên; phê duyệt chỉ tiêu, kế hoạch thi tuyển công chức làm việc tại các Sở ban ngành, UBND quận huyện thị xã đối với 187 chỉ tiêu.

UBND Thành phố cũng đã ban hành các Quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức về làm việc tại các đơn vị: Viện Quy hoạch xây dựng; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường Thành phố; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công

ng nghiệp Thành phố; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND các quận, huyện: Cầu Giấy, Đống Đa, Hoàng Mai, Phú Xuyên; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn phòng UBND Thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất.

Nhằm thu hút, trọng dụng nhân tài, UBND Thành phố cũng đã phê duyệt kế hoạch xét tuyển đặc cách cho 04 vận động viên lĩnh vực thể dục - thể thao có thành tích cao. Ngoài ra, UBND Thành phố đang tiếp tục triển khai việc tuyển dụng viên chức y tế đối với 4.447 chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

8. Về kiểm tra, thanh tra việc chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính

Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kỷ cương hành chính luôn được thực hiện thường xuyên, gắn với công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc quản lý tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế, vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố. Năm 2020, Sở Nội vụ đã thực hiện thanh tra nội vụ 02 đơn vị về việc chấp hành chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, tiền lương, bổ nhiệm, tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động; kiểm tra công vụ đối với 19 đơn vị; kiểm tra cải cách hành chính đối với 15 đơn vị. Qua thanh tra, kiểm tra đã đề nghị một số cơ quan, đơn vị khắc phục tồn tại, thiếu sót để phục vụ công dân, tổ chức ngày càng tốt hơn.

9. Về việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố liên quan đến lĩnh vực tổ chức, bộ máy, biên chế

Trong năm 2020, Chính phủ đã ban hành các quy định mới về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp các cơ quan liên quan triển khai rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành của Thành phố đảm bảo đúng quy định; dự kiến ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND và 15/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND Thành phố về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội trong quý I/2021; đảm bảo công việc triển khai giữa các cấp được thông suốt, đúng quy định.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2021

1. Quan điểm và căn cứ xây dựng kế hoạch

Quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII: thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu 10%.

1.1. Biên chế công chức năm 2021

Thực hiện giảm đúng theo số biên chế Bộ Nội vụ giao tại Quyết định số 796/QĐ-BNV ngày 13/10/2020 về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội năm 2021 (giảm 115 biên chế công chức, tỷ lệ 1,43% so với năm 2020 và 1,3% so với năm 2015).

Nguyên tắc phân bổ: Thực hiện giảm đều tỷ lệ % tính giảm theo số giao của Bộ Nội vụ năm 2021, có điều chỉnh ở một số sở ngành, quận, huyện, thị xã trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, đề án vị trí việc làm và khối lượng công việc được giao.

1.2. Biên chế viên chức năm 2021

Thực hiện giảm đúng theo số biên chế Bộ Nội vụ giao tại Công văn số 4829/BNV-TCBC ngày 15/9/2020 về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội năm 2021 (giảm 6.385 biên chế viên chức so với năm 2020).

Nguyên tắc phân bổ:

- Giảm trừ từ nguồn biên chế dự phòng còn chưa sử dụng.
- Giảm do chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự chủ để giảm biên chế hưởng lương ngân sách (theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 19/02/2019 của UBND Thành phố về nâng mức tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2021).
- Giảm biên chế viên chức giáo dục khối mầm non do giảm sĩ số học sinh và lớp.
- Giảm biên chế viên chức tại các trường cao đẳng nghề do sĩ số học sinh giảm.
- Giảm biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài giáo dục, y tế theo chủ trương tinh giản biên chế (đảm bảo lũy kế giảm 10%).
- Giảm biên chế viên chức đối với đơn vị sự nghiệp y tế đã tự chủ một phần chi thường xuyên. Thực hiện ký hợp đồng đối với số thiếu từ nguồn thu của đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

* Đối với biên chế tăng **3.900 viên chức** cho lĩnh vực giáo dục (gồm: Trường THPT 397, THCS 1.800, Tiểu học 1.703) theo định mức để đảm bảo “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp” theo Thông báo số 9028-CV/VPTW ngày 11/3/2019 về Kết luận của Bộ Chính trị bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế; hiện đã được Bộ Nội vụ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, sẽ giao bổ sung khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý.

UBND Thành phố cũng đã ban hành Văn bản số 5126/UBND-NC ngày 26/10/2020 triển khai Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế, theo đó các cơ quan, đơn vị xây dựng phương án sử dụng nguồn thu đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế để ký hợp đồng, đáp ứng nhu cầu có giáo viên và nhân viên y tế theo định mức. Trên cơ sở đó, UBND Thành phố sẽ giao số lượng người làm việc hưởng lương

từ nguồn thu sự nghiệp theo thẩm quyền quy định tại Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

1.3. Chỉ tiêu lao động hợp đồng định mức

- Đối với chỉ tiêu định mức trong cơ quan hành chính: Không giao.
- Đối với chỉ tiêu định mức trong đơn vị sự nghiệp: Thay đổi định mức cơ nuôi trên cơ sở nhu cầu số trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo năm 2021.

1.4. Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (hợp đồng 68)

Thực hiện đúng theo số Bộ Nội vụ giao tại Công văn số 6136/BNV-TCBC ngày 09/12/2019 về hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính của thành phố Hà Nội năm 2020 và năm 2021 (giảm 361 chỉ tiêu) và Công văn số 4829/BNV-TCBC ngày 15/9/2020 về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội năm 2021 (giảm 405 chỉ tiêu).

Nguyên tắc phân bổ:

- Đối với chỉ tiêu 68 trong cơ quan hành chính: Giảm chỉ tiêu bảo vệ và thực hiện chi trả theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (không thấp hơn mức lương hiện hưởng). Giảm chỉ tiêu hợp đồng 68 tại 07 Sở chuyển về Khu liên cơ Võ Chí Công. Điều hòa bổ sung cho một số cơ quan, đơn vị có nhu cầu.

- Đối với chỉ tiêu 68 trong đơn vị sự nghiệp: Giảm chỉ tiêu hợp đồng 68 tại các đơn vị sự nghiệp chuyển sang tự chủ và giảm tại các đơn vị đã giao năm 2020 nhưng còn chưa sử dụng nhiều.

2. Kế hoạch sử dụng biên chế năm 2021

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của Thành phố trong năm 2021 và căn cứ nêu trên, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố xem xét về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp của Thành phố năm 2021 như sau:

2.1. Biên chế hành chính: 9.003 biên chế, trong đó:

a. Biên chế công chức: 7.927 biên chế, giảm 115 biên chế so với năm 2020. Số giao đúng theo biên chế của Bộ Nội vụ giao năm 2021 tại Quyết định số 796/QĐ-BNV ngày 13/10/2020.

b. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.076 chỉ tiêu, giảm 361 chỉ tiêu so với năm 2020.

2.2. Biên chế sự nghiệp: 135.383 biên chế, trong đó:

a. Biên chế viên chức: 116.380 biên chế, giảm 6.385 biên chế so với năm 2020, gồm:

- Giảm trừ từ nguồn biên chế dự phòng còn chưa sử dụng: 2.585 biên chế.
 - Giảm do chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự chủ để giảm biên chế hưởng lương ngân sách (theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 19/02/2019 của UBND Thành phố về nâng mức tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2021): 30 đơn vị sự nghiệp với 1.913 biên chế.
 - Giảm biên chế viên chức giáo dục khối mầm non: 734 biên chế do giảm 9.838 số học sinh.
 - Giảm biên chế viên chức tại các trường cao đẳng nghề: 201 biên chế do giảm 1.352 số học sinh, sinh viên.
 - Giảm biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài giáo dục, y tế theo chủ trương tinh giản biên chế (đảm bảo lũy kế giảm 10%): 256 biên chế.
 - Giảm biên chế viên chức theo tỷ lệ tự chủ từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp y tế đã tự chủ một phần chi thường xuyên: 696 biên chế.
- b. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 10.464 chỉ tiêu, giảm 405 chỉ tiêu so với năm 2020.
- c. Lao động hợp đồng theo định mức: 8.539 chỉ tiêu, giảm 391 so với năm 2020 do giảm cơ nuôi theo giảm của số học sinh khối Mầm non.

(Có Phụ lục kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tổ chức, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thường xuyên nắm bắt, làm tốt công tác tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để từ đó lan tỏa tới từng cơ quan, đơn vị và trong toàn hệ thống chính trị.
2. Triển khai có hiệu quả thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội, tạo sự chuyển biến rõ nét trong quản lý, điều hành của Thủ đô, thực sự hướng tới người dân và doanh nghiệp.
3. Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; rà soát trùng chéo chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt ở các nhiệm vụ phức tạp, giao thoa, khó phân định giữa các cơ quan, đơn vị. Tập trung các giải pháp đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, đây là nội dung quyết định đến khả năng có tiếp tục giảm biên chế sự nghiệp được 10% giai đoạn 2021-2025, đặc biệt là xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, tính toán thành lập các trường liên cấp, đẩy mạnh thành lập các trường ngoài công lập.
4. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đơn giản đến mức tối đa các thủ

tục hành chính liên quan, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc; nâng cao dịch vụ công mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

5. Tập trung điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành; đảm bảo bố trí cơ cấu lực lượng gián tiếp và trực tiếp phù hợp (35%-65%), có phương án tổ chức đội ngũ kế toán, y tế trường học và luân chuyển, điều động giáo viên giữa các đơn vị phù hợp. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý, để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

6. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ: chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới công tác tuyển dụng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất. Xác định chất lượng nguồn nhân lực của Thủ đô phải là yếu tố hàng đầu quyết định đến hiệu quả công tác tham mưu tại tất cả các ngành, lĩnh vực.

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, KH&ĐT, Tài chính;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, TH, NC, TKBT;
- Lưu: VT.

9188 - 110



Chu Ngọc Anh

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2021
(Kèm theo Tờ trình số: **232/TT**-UBND ngày **30/11/2020** của UBND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020			SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
	Tổng cộng	9 479	8 042	1 437	8 628	7 355	1 273	9 003	7 927	1 076	- 476	- 115	- 361	
I	Khối Sở ngành	4 223	3 359	864	3 790	3 023	767	3 988	3 313	675	- 235	- 46	- 189	
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 256	4 683	573	4 838	4 332	506	5 015	4 614	401	- 241	- 69	- 172	
I	Khối Sở ngành	4 223	3 359	864	3 790	3 023	767	3 988	3 313	675	- 235	- 46	- 189	
1	Văn phòng UBND Thành phố	204	150	54	192	141	51	193	149	44	- 11	- 1	- 10	
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	66	52	14	51	39	12	60	50	10	- 6	- 2	- 4	
a	Khối lãnh đạo các cơ quan dân cử Thành phố	17	17		14	14		17	17					
b	Văn phòng HĐND Thành phố	49	35	14	37	25	12	43	33	10	- 6	- 2	- 4	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	83	70	13	66	60	6	79	69	10	- 4	- 1	- 3	
4	Sở Nội vụ	166	125	41	135	105	30	155	123	32	- 11	- 2	- 9	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	768	587	181	719	544	175	679	578	101	- 89	- 9	- 80	
6	Sở Công Thương	145	125	20	131	119	12	138	123	15	- 7	- 2	- 5	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	177	160	17	162	149	13	170	158	12	- 7	- 2	- 5	
8	Sở Tài chính	238	220	18	201	192	9	227	217	10	- 11	- 3	- 8	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020			SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
9	Sở Xây dựng	227	204	23	210	189	21	220	202	18	- 7	- 2	- 5	
10	Sở Giao thông Vận tải	715	417	298	665	375	290	698	411	287	- 17	- 6	- 11	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	120	101	19	92	78	14	112	99	13	- 8	- 2	- 6	
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	163	149	14	152	138	14	154	147	7	- 9	- 2	- 7	
13	Sở Giáo dục và đào tạo	148	128	20	120	103	17	141	126	15	- 7	- 2	- 5	
14	Sở Y tế	186	153	33	154	131	23	177	151	26	- 9	- 2	- 7	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	124	108	16	117	102	15	119	107	12	- 5	- 1	- 4	
16	Sở Du lịch	63	54	9	46	42	4	59	53	6	- 4	- 1	- 3	
17	Sở Tư pháp	84	74	10	76	68	8	80	73	7	- 4	- 1	- 3	
18	Sở Ngoại vụ	41	33	8	36	28	8	40	33	7	- 1		- 1	
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	185	169	16	164	153	11	180	167	13	- 5	- 2	- 3	
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	106	91	15	99	84	15	103	91	12	- 3		- 3	
21	Thanh tra Thành phố	122	114	8	119	112	7	118	112	6	- 4	- 2	- 2	
22	Ban Dân tộc	29	21	8	28	21	7	27	21	6	- 2		- 2	
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	63	54	9	55	50	5	59	53	6	- 4	- 1	- 3	
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 256	4 683	573	4 838	4 332	506	5 015	4 614	401	- 241	- 69	- 172	
1	Quận Hoàn Kiếm	210	182	28	188	162	26	185	179	6	- 25	- 3	- 22	
2	Quận Hai Bà Trưng	225	193	32	192	168	24	214	190	24	- 11	- 3	- 8	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020			SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
3	Quận Ba Đình	188	170	18	166	155	11	182	167	15	- 6	- 3	- 3	
4	Quận Đống Đa	239	211	28	224	204	20	229	206	23	- 10	- 5	- 5	
5	Quận Tây Hồ	167	150	17	153	137	16	161	147	14	- 6	- 3	- 3	
6	Quận Thanh Xuân	167	149	18	156	139	17	161	148	13	- 6	- 1	- 5	
7	Quận Cầu Giấy	166	149	17	156	140	16	160	148	12	- 6	- 1	- 5	
8	Quận Hoàng Mai	187	170	17	171	155	16	181	169	12	- 6	- 1	- 5	
9	Quận Long Biên	166	160	6	153	147	6	165	159	6	- 1	- 1		
10	Quận Nam Từ Liêm	170	150	20	163	144	19	166	151	15	- 4	1	- 5	
11	Quận Bắc Từ Liêm	173	153	20	160	141	19	164	152	12	- 9	- 1	- 8	
12	Quận Hà Đông	198	178	20	196	176	20	190	175	15	- 8	- 3	- 5	
13	Huyện Thanh Trì	196	178	18	181	166	15	187	175	12	- 9	- 3	- 6	
14	Huyện Gia Lâm	207	184	23	201	181	20	198	181	17	- 9	- 3	- 6	
15	Huyện Đông Anh	209	197	12	200	186	14	201	194	7	- 8	- 3	- 5	
16	Huyện Sóc Sơn	224	204	20	212	197	15	214	197	17	- 10	- 7	- 3	
17	Huyện Ba Vì	173	152	21	152	134	18	163	150	13	- 10	- 2	- 8	
18	Thị xã Sơn Tây	176	153	23	162	140	22	162	151	11	- 14	- 2	- 12	
19	Huyện Thạch Thất	148	136	12	128	119	9	142	133	9	- 6	- 3	- 3	
20	Huyện Phúc Thọ	142	128	14	125	116	9	137	126	11	- 5	- 2	- 3	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020			SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
21	Huyện Đan Phượng	152	129	23	137	114	23	145	129	16	- 7		- 7	
22	Huyện Hoài Đức	153	141	12	136	128	8	148	139	9	- 5	- 2	- 3	
23	Huyện Quốc Oai	159	135	24	155	131	24	145	133	12	- 14	- 2	- 12	
24	Huyện Chương Mỹ	164	140	24	166	135	31	158	137	21	- 6	- 3	- 3	
25	Huyện Thanh Oai	136	124	12	122	109	13	133	124	9	- 3		- 3	
26	Huyện Thường Tín	145	132	13	137	124	13	138	129	9	- 7	- 3	- 4	
27	Huyện Ứng Hòa	156	132	24	130	113	17	147	129	18	- 9	- 3	- 6	
28	Huyện Phú Xuyên	145	130	15	133	119	14	139	128	11	- 6	- 2	- 4	
29	Huyện Mỹ Đức	156	132	24	148	127	21	147	130	17	- 9	- 2	- 7	
30	Huyện Mê Linh	159	141	18	135	125	10	153	138	15	- 6	- 3	- 3	

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2021
(Kèm theo Tờ trình số: **232** /TTr-UBND ngày **30** / **11** /2020 của UBND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020								TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
	Tổng cộng	142 564	122 765	10 869	8 930	124 090	107 227	9 399	7 464	135 383	116 380	10 464	8 539	- 7 181	- 6 385	- 405	- 391	
I	Giáo dục và đào tạo	114 988	98 931	7 520	8 537	105 459	91 799	6 559	7 101	113 485	98 005	7 367	8 113	- 1 503	- 926	- 153	- 424	
1	Đại học	386	371	15		328	317	11		338	326	12		- 48	- 45	- 3		
2	Trung học phổ thông	10 331	9 810	507	14	9 549	9 071	464	14	10 321	9 807	500	14	- 10	- 3	- 7		
3	Trung học cơ sở	27 484	25 406	2 072	6	25 496	23 725	1 771		27 439	25 406	2 027	6	- 45		- 45		
4	Tiểu học	32 116	29 695	2 413	8	29 663	27 512	2 151		32 076	29 695	2 373	8	- 40		- 40		
5	Mầm non	44 539	33 535	2 495	8 509	40 320	31 084	2 149	7 087	43 179	32 657	2 437	8 085	- 1 360	- 878	- 58	- 424	
6	Khác (khuyết tật)	132	114	18		103	90	13		132	114	18						
II	Giáo dục nghề nghiệp	3 310	2 993	313	4	2 350	2 096	247	7	1 621	1 439	178	4	- 1 689	- 1 554	- 135		
1	Cao đẳng	1 641	1 545	96		1 088	1 021	67		616	574	42		- 1 025	- 971	- 54		
2	Trung cấp	670	594	72	4	477	412	61	4	130	114	12	4	- 540	- 480	- 60		
3	Trung tâm GDTX-GDNN	999	854	145		785	663	119	3	875	751	124		- 124	- 103	- 21		
III	Khối sự nghiệp Y tế - Xã hội	14 614	12 312	2 302		11 199	9 188	2 011		13 845	11 591	2 254		- 769	- 721	- 48		
1	Khối Bệnh viện	1 221	1 059	162		828	688	140		1 138	980	158		- 83	- 79	- 4		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	
2	Khối Trung tâm Y tế	11 188	10 156	1 032		8 411	7 612	799		10 537	9 539	998		- 651	- 617	- 34		
3	Khối Trung tâm xã hội	2 205	1 097	1 108		1 960	888	1 072		2 170	1 072	1 098		- 35	- 25	- 10		
IV	Sự nghiệp khoa học	166	146	20		112	98	14		159	140	19		- 7	- 6	- 1		
V	Sự nghiệp thông tin và truyền thông	101	97	4		83	80	3		98	94	4		- 3	- 3			
VI	Sự nghiệp văn hóa và thể thao	2 590	2 118	472		1 976	1 613	357	6	2 388	1 955	433		- 202	- 163	- 39		
VII	Sự nghiệp khác	3 532	3 122	203	207	2 284	1 919	175	190	3 103	2 695	176	232	- 429	- 427	- 27	25	
VIII	Khối Hội	676	461	33	182	627	434	33	160	684	461	33	190	8			8	
IX	Biên chế còn chưa phân bổ khối sự nghiệp	2 587	2 585	2										-2 587	-2 585	- 2		
1	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	29 964	26 454	3 283	227	24 055	21 023	2 825	207	28 320	24 932	3 136	252	-1 644	-1 522	- 147	25	
1	Văn phòng UBND Thành phố	30	29	1		17	17			29	28	1		- 1	- 1			
2	Sở Thông tin và Truyền thông	71	68	3		66	63	3		69	66	3		- 2	- 2			
3	Sở Nội vụ	24	24			16	16			24	24							
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2 058	1 743	108	207	1 173	889	95	189	1 844	1 509	103	232	- 214	- 234	- 5	25	
5	Sở Công Thương	77	69	8		55	47	8		74	66	8		- 3	- 3			
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	39	37	2		35	33	2		40	38	2		1	1			
7	Sở Tài chính	20	17	3		13	11	2		20	17	3						
8	Sở Giao thông Vận tải	90	77	13		72	63	9		84	74	10		- 6	- 3	- 3		
9	Sở Khoa học và Công nghệ	90	74	16		51	40	11		86	71	15		- 4	- 3	- 1		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 790	1 615	1 175		2 359	1 231	1 128		2 267	1 156	1 111		- 523	- 459	- 64		
11	Sở Giáo dục và đào tạo	10 609	10 050	539	20	9 791	9 275	498	18	10 573	10 027	526	20	- 36	- 23	- 13		
12	Sở Y tế	12 409	11 215	1 194		9 239	8 300	939		11 675	10 519	1 156		- 734	- 696	- 38		
13	Sở Văn hóa và Thể thao	1 328	1 126	202		920	804	116		1 269	1 083	186		- 59	- 43	- 16		
14	Sở Tư pháp	149	139	10		127	119	8		93	88	5		- 56	- 51	- 5		
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	156	147	9		92	90	2		150	143	7		- 6	- 4	- 2		
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	24	24			16	16			23	23			- 1	- 1			
II	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	2 424	2 206	218		1 743	1 572	171		1 335	1 180	155		-1 089	-1 026	- 63		
1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	211	120	91		176	98	78		200	115	85		- 11	- 5	- 6		
2	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	110	98	12		90	78	12		108	96	12		- 2	- 2			
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	76	72	4		61	58	3		73	69	4		- 3	- 3			
4	Trường Đại học Thủ đô	386	371	15		328	317	11		338	326	12		- 48	- 45	- 3		
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	146	143	3		113	111	2		143	140	3		- 3	- 3			
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	226	213	13		113	105	8		132	120	12		- 94	- 93	- 1		
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	177	172	5		109	108	1		140	136	4		- 37	- 36	- 1		
8	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	144	129	15		101	88	13		131	117	14		- 13	- 12	- 1		
9	Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	164	158	6		91	87	4						- 164	- 158	- 6		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
10	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	159	152	7		121	118	3						- 159	- 152	- 7		
11	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội	82	73	9		57	48	9		70	61	9		- 12	- 12			
12	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	252	245	7		170	163	7						- 252	- 245	- 7		
13	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	201	190	11		138	132	6						- 201	- 190	- 11		
14	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	90	70	20		75	61	14						- 90	- 70	- 20		
III	Khối Hội được giao biên chế	472	373	31	68	436	344	29	63	480	373	31	76	8			8	
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12	19	7	2	10	23	9	2	12					
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2		10	8	2		16	14	2						
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	1	5	7	3	2	2	9	3	1	5					
4	Hội Chữ thập đỏ	21	19	2		21	19	2		21	16	2	3		- 3		3	
5	Hội Người mù	26		4	22	26		4	22	26		4	22					
6	Hội Luật gia	5	5			5	5			5	3		2		- 2		2	
7	Hội Nhà báo	7	5	1	1	7	5	1	1	7	5	1	1					
8	Hội Đông y	24	20	2	2	24	20	2	2	24	17	2	5		- 3		3	
9	Hội Khuyến học	1			1	1			1	1			1					
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6	8		2	6	8		2	6					
11	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19	48	27	2	19	48	27	2	19					
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13		260	250	10		284	271	13						
1	Báo Tuổi trẻ Thủ đô	15	15			14	14			15	15							

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020				SỐ CÓ MẬT ĐẾN 15/9/2020								KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
2	Cung Thiếu nhi Hà Nội	59	59			54	54			59	59											
3	Trường Đào tạo cán bộ Đội TNTP Hồ Chí Minh mang tên Lê Duẩn	63	50	13		56	46	10		63	50	13										
4	Cung Thanh niên Hà Nội	55	55			51	51			55	55											
5	Trung tâm Dịch vụ việc làm và hỗ trợ thanh niên Hà Nội	92	92			85	85			92	92											
13	Trung tâm Hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân Thành phố									8	8			8	8							
IV	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã	107 117	91 147	7 335	8 635	97 856	84 288	6 374	7 194	105 248	89 895	7 142	8 211	-1 869	-1 252	- 193	- 424					
1	Quận Hoàn Kiếm	1 995	1 677	193	125	1 758	1 514	154	90	1 950	1 656	182	112	- 45	- 21	- 11	- 13					
2	Quận Hai Bà Trưng	3 173	2 713	233	227	2 712	2 319	226	167	3 031	2 605	229	197	- 142	- 108	- 4	- 30					
3	Quận Ba Đình	2 762	2 386	205	171	2 396	2 069	175	152	2 692	2 345	196	151	- 70	- 41	- 9	- 20					
4	Quận Đống Đa	3 413	2 903	270	240	2 990	2 616	217	157	3 243	2 794	248	201	- 170	- 109	- 22	- 39					
5	Quận Tây Hồ	1 678	1 434	113	131	1 542	1 333	108	101	1 609	1 384	103	122	- 69	- 50	- 10	- 9					
6	Quận Thanh Xuân	2 456	2 098	162	196	2 134	2 004	24	106	2 408	2 068	144	196	- 48	- 30	- 18						
7	Quận Cầu Giấy	2 696	2 352	150	194	2 419	2 171	142	106	2 565	2 227	144	194	- 131	- 125	- 6						
8	Quận Hoàng Mai	3 383	2 888	221	274	3 082	2 660	209	213	3 329	2 872	216	241	- 54	- 16	- 5	- 33					
9	Quận Long Biên	3 935	3 311	247	377	3 412	2 950	150	312	3 875	3 269	238	368	- 60	- 42	- 9	- 9					
10	Quận Nam Từ Liêm	2 274	1 948	137	189	2 153	1 879	134	140	2 266	1 941	136	189	- 8	- 7	- 1						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	
11	Quận Bắc Từ Liêm	2 693	2 310	158	225	2 351	2 029	157	165	2 674	2 304	158	212	- 19	- 6		- 13	
12	Quận Hà Đông	4 738	4 064	251	423	4 336	3 867	99	370	4 703	4 038	242	423	- 35	- 26	- 9		
13	Huyện Thanh Trì	4 029	3 385	294	350	3 624	3 049	294	281	3 976	3 332	294	350	- 53	- 53			
14	Huyện Gia Lâm	3 922	3 322	285	315	3 516	3 016	213	287	3 830	3 267	271	292	- 92	- 55	- 14	- 23	
15	Huyện Đông Anh	5 529	4 745	290	494	5 177	4 528	285	364	5 397	4 668	281	448	- 132	- 77	- 9	- 46	
16	Huyện Sóc Sơn	5 553	4 739	400	414	5 240	4 454	400	386	5 474	4 660	400	414	- 79	- 79			
17	Huyện Ba Vì	5 283	4 398	453	432	5 018	4 222	425	371	5 184	4 365	439	380	- 99	- 33	- 14	- 52	
18	Thị xã Sơn Tây	2 320	1 969	174	177	2 167	1 848	158	161	2 301	1 952	172	177	- 19	- 17	- 2		
19	Huyện Thạch Thất	3 696	3 168	252	276	3 260	2 956	94	210	3 654	3 151	240	263	- 42	- 17	- 12	- 13	
20	Huyện Phúc Thọ	3 319	2 821	220	278	3 080	2 623	213	244	3 260	2 788	217	255	- 59	- 33	- 3	- 23	
21	Huyện Đan Phượng	2 812	2 404	181	227	2 527	2 150	173	204	2 757	2 368	179	210	- 55	- 36	- 2	- 17	
22	Huyện Hoài Đức	4 284	3 640	229	415	3 839	3 337	171	331	4 259	3 623	221	415	- 25	- 17	- 8		
23	Huyện Quốc Oai	3 788	3 196	290	302	3 582	3 018	287	277	3 713	3 144	288	281	- 75	- 52	- 2	- 21	
24	Huyện Chương Mỹ	4 893	4 174	327	392	4 555	3 910	327	318	4 825	4 140	327	358	- 68	- 34		- 34	
25	Huyện Thanh Oai	3 410	2 920	208	282	3 220	2 765	203	252	3 302	2 845	204	253	- 108	- 75	- 4	- 29	
26	Huyện Thường Tín	4 027	3 480	266	281	3 798	3 260	266	272	4 002	3 455	266	281	- 25	- 25			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2020				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 15/9/2020								KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2021				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2020				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	
27	Huyện Ứng Hòa	3 566	3 022	274	270	3 267	2 734	264	269	3 557	3 017	270	270	- 9	- 5	- 4						
28	Huyện Phú Xuyên	4 000	3 402	263	335	3 703	3 137	233	333	3 971	3 379	257	335	- 29	- 23	- 6						
29	Huyện Mỹ Đức	3 802	3 139	367	296	3 682	3 020	364	298	3 795	3 134	365	296	- 7	- 5	- 2						
30	Huyện Mê Linh	3 688	3 139	222	327	3 316	2 850	209	257	3 646	3 104	215	327	- 42	- 35	- 7						
V	Biên chế còn chưa phân bổ khối sự nghiệp	2 587	2 585	2										-2 587	-2 585	- 2						

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM
(từ ngày /12/2020 đến ngày /12/2020)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2021; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 9.003 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 7.927 biên chế.
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.076 chỉ tiêu.

2. Biên chế sự nghiệp: 135.383 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 116.380 biên chế.
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 10.464 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.539 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo đúng Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Trong năm 2021, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp, UBND Thành phố thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2021.

2. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tổ chức, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thường xuyên nắm bắt, làm tốt công tác tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để từ đó lan tỏa tới từng cơ quan, đơn vị và trong toàn hệ thống chính trị.

3. Triển khai có hiệu quả thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội, tạo sự chuyển biến rõ nét trong quản lý, điều hành của Thủ đô, thực sự hướng tới người dân và doanh nghiệp.

4. Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; rà soát trùng chéo chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt ở các nhiệm vụ phức tạp, giao thoa, khó phân định giữa các cơ quan, đơn vị. Tập trung các giải pháp đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, đây là nội dung quyết định đến khả năng có tiếp tục giảm biên chế sự nghiệp được 10% giai đoạn 2021-2025, đặc biệt là xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, tính toán thành lập các trường liên cấp, đẩy mạnh thành lập các trường ngoài công lập.

5. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đơn giản đến mức tối đa các thủ tục hành chính liên quan, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc; nâng cao dịch vụ công mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

6. Tập trung điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành; đảm bảo bố trí cơ cấu hợp lý giữa lực lượng gián tiếp và trực tiếp (35%-65%), có phương án tổ chức đội ngũ kế toán, y tế trường học và luân chuyển, điều động giáo viên giữa các đơn vị phù hợp. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý, để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ: chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới công tác tuyển dụng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất. Xác định chất lượng nguồn nhân lực của Thủ đô phải là yếu tố hàng đầu quyết định đến hiệu quả công tác tham mưu tại tất cả các ngành, lĩnh vực.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH
TRONG CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2020 của HĐND Thành phố)

Stt	Tên đơn vị	Phân bổ biên chế hành chính năm 2021		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
	Tổng cộng	9 003	7 927	1 076
I	Khối Sở ngành	3 988	3 313	675
1	Văn phòng UBND Thành phố	193	149	44
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	60	50	10
3	Sở Thông tin và Truyền thông	79	69	10
4	Sở Nội vụ	155	123	32
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	679	578	101
6	Sở Công Thương	138	123	15
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	170	158	12
8	Sở Tài chính	227	217	10
9	Sở Xây dựng	220	202	18
10	Sở Giao thông Vận tải	698	411	287
11	Sở Khoa học và Công nghệ	112	99	13
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	154	147	7
13	Sở Giáo dục và đào tạo	141	126	15
14	Sở Y tế	177	151	26
15	Sở Văn hóa và Thể thao	119	107	12

Stt	Tên đơn vị	Phân bổ biên chế hành chính năm 2021		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
16	Sở Du lịch	59	53	6
17	Sở Tư pháp	80	73	7
18	Sở Ngoại vụ	40	33	7
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	180	167	13
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	103	91	12
21	Thanh tra Thành phố	118	112	6
22	Ban Dân tộc	27	21	6
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	59	53	6
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 015	4 614	401
1	Quận Hoàn Kiếm	185	179	6
2	Quận Hai Bà Trưng	214	190	24
3	Quận Ba Đình	182	167	15
4	Quận Đống Đa	229	206	23
5	Quận Tây Hồ	161	147	14
6	Quận Thanh Xuân	161	148	13
7	Quận Cầu Giấy	160	148	12
8	Quận Hoàng Mai	181	169	12
9	Quận Long Biên	165	159	6
10	Quận Nam Từ Liêm	166	151	15
11	Quận Bắc Từ Liêm	164	152	12
12	Quận Hà Đông	190	175	15

Stt	Tên đơn vị	Phân bổ biên chế hành chính năm 2021		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
13	Huyện Thanh Trì	187	175	12
14	Huyện Gia Lâm	198	181	17
15	Huyện Đông Anh	201	194	7
16	Huyện Sóc Sơn	214	197	17
17	Huyện Ba Vì	163	150	13
18	Thị xã Sơn Tây	162	151	11
19	Huyện Thạch Thất	142	133	9
20	Huyện Phúc Thọ	137	126	11
21	Huyện Đan Phượng	145	129	16
22	Huyện Hoài Đức	148	139	9
23	Huyện Quốc Oai	145	133	12
24	Huyện Chương Mỹ	158	137	21
25	Huyện Thanh Oai	133	124	9
26	Huyện Thường Tín	138	129	9
27	Huyện Ứng Hòa	147	129	18
28	Huyện Phú Xuyên	139	128	11
29	Huyện Mỹ Đức	147	130	17
30	Huyện Mê Linh	153	138	15

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2020 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2021			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHB theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHB theo định mức
	Tổng cộng	135 383	116 380	10 464	8 539
I	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	28 320	24 932	3 136	252
1	Văn phòng UBND Thành phố	29	28	1	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	69	66	3	
3	Sở Nội vụ	24	24		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1 844	1 509	103	232
5	Sở Công Thương	74	66	8	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	38	2	
7	Sở Tài chính	20	17	3	
8	Sở Giao thông Vận tải	84	74	10	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	86	71	15	
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 267	1 156	1 111	
11	Sở Giáo dục và đào tạo	10 573	10 027	526	20
12	Sở Y tế	11 675	10 519	1 156	
13	Sở Văn hóa và Thể thao	1 269	1 083	186	
14	Sở Tư pháp	93	88	5	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	150	143	7	
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	23	23		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2021			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
II	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	1 335	1 180	155	
1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	200	115	85	
2	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	108	96	12	
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	73	69	4	
4	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	143	140	3	
5	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	132	120	12	
6	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	140	136	4	
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	131	117	14	
8	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội	70	61	9	
III	Khối Hội được giao biên chế	480	373	31	76
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2	
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	1	5
4	Hội Chữ thập đỏ	21	16	2	3
5	Hội Người mù	26		4	22
6	Hội Luật gia	5	3		2
7	Hội Nhà báo	7	5	1	1
8	Hội Đông y	24	17	2	5
9	Hội Khuyến học	1			1
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6
11	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13	
13	Trung tâm Hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân Thành phố	8	8		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2021			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHB theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHB theo định mức
IV	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã	105 248	89 895	7 142	8 211
1	Quận Hoàn Kiếm	1 950	1 656	182	112
2	Quận Hai Bà Trưng	3 031	2 605	229	197
3	Quận Ba Đình	2 692	2 345	196	151
4	Quận Đống Đa	3 243	2 794	248	201
5	Quận Tây Hồ	1 609	1 384	103	122
6	Quận Thanh Xuân	2 408	2 068	144	196
7	Quận Cầu Giấy	2 565	2 227	144	194
8	Quận Hoàng Mai	3 329	2 872	216	241
9	Quận Long Biên	3 875	3 269	238	368
10	Quận Nam Từ Liêm	2 266	1 941	136	189
11	Quận Bắc Từ Liêm	2 674	2 304	158	212
12	Quận Hà Đông	4 703	4 038	242	423
13	Huyện Thanh Trì	3 976	3 332	294	350
14	Huyện Gia Lâm	3 830	3 267	271	292
15	Huyện Đông Anh	5 397	4 668	281	448
16	Huyện Sóc Sơn	5 474	4 660	400	414
17	Huyện Ba Vì	5 184	4 365	439	380
18	Thị xã Sơn Tây	2 301	1 952	172	177
19	Huyện Thạch Thất	3 654	3 151	240	263
20	Huyện Phúc Thọ	3 260	2 788	217	255
21	Huyện Đan Phượng	2 757	2 368	179	210

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2021			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
22	Huyện Hoài Đức	4 259	3 623	221	415
23	Huyện Quốc Oai	3 713	3 144	288	281
24	Huyện Chương Mỹ	4 825	4 140	327	358
25	Huyện Thanh Oai	3 302	2 845	204	253
26	Huyện Thường Tín	4 002	3 455	266	281
27	Huyện Ứng Hòa	3 557	3 017	270	270
28	Huyện Phú Xuyên	3 971	3 379	257	335
29	Huyện Mỹ Đức	3 795	3 134	365	296
30	Huyện Mê Linh	3 646	3 104	215	327